

Bản án số: 308/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 04/9/2020  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm H B

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn V C

2. Ông Phạm H Th

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị H Thlà Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kh V– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: Số 487, tổ 01, khóm L T B, phường L Th, thị xã T Ch, tỉnh A G (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh T N, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Tổ 12, Nguyễn Tri Phương, khóm L T D, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T Đ và anh Huỳnh T N, sống chung với nhau vào năm 2017, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, sau đó được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N có những lời lẽ xúc phạm chị Đ, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, đã không còn sống chung với nhau từ đầu tháng 03/2018 đến nay. Chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Vàng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Đ và anh N không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh T N có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị Đ về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

- Về con chung: Anh N thống nhất như lời trình bày của chị Đ trong thời gian sống chung anh N và chị Đ không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, và N vụ theo quy định tại các Điều 70 -71- 234 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T Đ và anh Huỳnh T N.

- Về con chung: Chị Đ và anh N xác định không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh N xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh T N. Anh N có địa chỉ cư trú tại: Tổ 12 Nguyễn Tri Phương, khóm L T D, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T Đ và anh Huỳnh T N sau thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, quyết định sống chung như vợ chồng vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến giữa tháng 03/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N có những lời lẽ xúc phạm chị Đ, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, đã không còn sống chung với nhau từ đầu tháng 03/2018 đến nay. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh T N, quá trình giải quyết vụ án anh N có lời khai cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Xét thấy mặc dù chị Đ và anh N thuận tình ly hôn nhưng do chị Đ và anh N sống chung không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và N vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh N là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T Đ và anh Huỳnh T N thống nhất trình bày không có con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Đ và anh N thống nhất trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí chi Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0002256 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T Đ và anh Huỳnh T N.

- Về nuôi con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002256 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Chị Nguyễn Thị T Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng Huỳnh T N vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm H B**

